TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Đức.

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Công H, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-12-2024, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị T chung sống với ông Hồ Công Hiền t năm 2006, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29, ngày 29-3-2006, cải chính hộ tịch ngày 17-3-2022. Quá trình chung sống, vợ chồng có thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế. Vợ chồng đã ly thân và không còn sống chung từ đầu năm 2023. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là cháu Hồ Nguyễn Mỹ Q, sinh ngày 28/02/2008 và Hồ Công H1, sinh ngày 05/8/2010; khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hồ Nguyễn Mỹ Q và Hồ Công H1, không yêu cầu cấp dưỡng cho con

Về chia tài sản chung, nợ chung: bà T không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Hồ Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai nhưng bị đơn ông Hồ Công H đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Bà T và ông H kết hôn năm 2006 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyển 01 ngày 29/03/2006. Quá trình chung sống cả hai vợ chồng hạnh phúc tuy nhiên sau này phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn càng ngày càng nghiêm trọng do ông H thường xuyên bất đồng quan điểm. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc mâu thuẫn gia đình trầm trọng không thể hàn gắn và sống chung với nhau.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú được biết: Bà T và ông H là vợ chồng, quá trình chung sống tại địa phương, bà T và ông H có phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Xét thấy, nguyên đơn bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, mục đích sống chung không có ý nghĩa. Nguyên đơn và bị đơn không có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về con chung: Tại đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện: bà T thể hiện mong muốn được nuôi dưỡng hai con chung là cháu H1 và cháu Q và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án hai người con chung thể hiện mong muốn được chung sống với bà T. Xét thấy, bà T có công việc ổn định và hiện nay con chung đang sinh sống ổn định với bà T. Do đó, giao con chung cho nguyên đơn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là chính đáng và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những đánh giá phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn là ông Hồ Công H có nơi cư trú tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hồ Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt và không tham gia tố tụng là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị T chung sống với ông Hồ Công Hiền t năm 2006, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29, ngày 29-3-2006, cải chính hộ tịch ngày 17-3-2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tình cảm, kinh tế, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc (theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 05-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông H

không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia hoà giải đoàn tụ tại Toà án. Do đó, có cơ sở xác định: bà T và ông H không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà T và ông H có hai con chung là cháu Hồ Nguyễn Mỹ Q, sinh ngày 28/02/2008 và Hồ Công H1, sinh ngày 05/8/2010. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và cháu H1, không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con. Xét, cháu Q và cháu H1 có nguyện vọng được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà T có thu nhập, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con và cháu Q, cháu H1 đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không có ý kiến gì về con chung khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Q và cháu H1 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Hồ Công H về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Công H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Hồ Nguyễn Mỹ Q, sinh ngày 28/02/2008 và cháu Hồ Công H1, sinh ngày 05/8/2010 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Hồ Công H cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003305 ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Dũng